

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 26-4-2023
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân;

1. Ông Lê Hùng Chương,

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2022 và ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 05 năm 2020 về việc tranh chấp “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ Tấn Lực, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2020). có mặt

+ **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1939. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1965. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt
2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt
3. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1970. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt
4. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp Ngã Tắc, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt
5. Bà Nguyễn Kim H1, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt
6. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt
7. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt
8. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà V, bà H1: Ông Đ Tấn Lực, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2020). có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn-bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền là ông Đ Tấn Lực trình bày:***

Mẹ ruột của bà là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1 (sinh năm 1945, chết năm 2014) có 09 người con gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn H S, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Kim H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị H, ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Năm 2014, bà A1 chết. Tài sản đứng tên chung giữa bà A1 và ông M gồm QSDĐ tại ấp B, xã Tiên Thuận gồm:

- Diện tích đất 4.347m² đất thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 15/7/2010 do Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị A1 đứng tên.

- Diện tích đất 2.038,4m² đất thuộc thửa 440 tờ bản đồ số 11, thửa đất tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, chưa được cấp giấy Chứng nhận QSDĐ.

Bà H yêu cầu chia cho ông M 1/2 diện tích đất tại thửa 346 tờ bản đồ số 10, 1/2 còn lại của thửa 346 chia đều cho 06 chị em gái là bà T, bà L, bà V, bà H1, bà H2 và bà H. Chia thửa 440 tờ bản đồ số 11 thành 3 phần bằng nhau cho ông S, ông C, ông Đ hưởng.

Đối với diện tích 2.719 m² thuộc giấy chứng nhận QSD đất số HL04499/QSDĐ/1864/2009/QĐ-UBND ngày 29/10/2009, thửa đất số 64 tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh do UBND huyện Bến Cầu cấp do ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1 đứng tên nhưng thực tế do ông Ngô Công L1 sử dụng nên bà H xác định không phải là di sản và không có yêu cầu gì.

*** Lời khai của ông Nguyễn Văn M trong các biên bản có trong hồ sơ vụ án như sau:** Ông thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà H.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị H1 cùng ủy quyền cho ông Đ Tấn Lực trình bày như sau: Thống nhất với trình bày về quan hệ nhân thân cũng như yêu cầu chia di sản của bà H đối với ông M. Không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

2. Bà Nguyễn Thị T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2022 như sau: Bà thống nhất với trình bày của bà H về quan hệ nhân thân và tài sản chung của ông M, bà A1 có được. Di sản bà A1 để lại là 1/2 tài sản trong tài sản chung gồm 02 phần đất như trên. Bà yêu cầu Tòa án chia di sản theo quy định của pháp luật, bà không có ý kiến yêu cầu gì và đề trình bày xin vắng mặt không đến Tòa tham gia các thủ tục tố tụng.

3. Bà Nguyễn Thị H2 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2022: bà thống nhất về quan hệ nhân thân và số tài sản chung của ông M và bà A1 như bà H trình bày. Bà không có ý kiến gì về việc cấp nhằm giấy Chứng nhận QSDĐ của UBND huyện Bến Cầu. Bà không có ý kiến gì về việc chia thừa kế, Tòa án chia như thế nào thì bà đồng ý như thế đó.

4. Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập đến tham gia phiên H2 giải hợp lệ nhiều lần nhưng không đến và cũng không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà H và việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tuy nhiên có vi

phạm về thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử. Về việc chấp hành của các đương sự: bà T, bà H2, ông S, ông C, ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 213, 609, 611, 612, 613, khoản 1 Điều 623, các Điều 649, 650, 651, 660, 688 BLDS 2015; các Điều 100, 166, 167, 169 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 157, 165, 217 BLTTDS; NQ 326 của UBTVQH; Luật Người cao tuổi, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn M.

- Bà Nguyễn Thị H; Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn H S, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Kim H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu Đ mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau di sản do bà Nguyễn Thị A1 chết để lại, cụ thể:

+ Ông M được hưởng toàn bộ phần đất là di sản do bà A1 để lại tại thửa đất số 346 tờ bản đồ số 10 là $(4.347\text{m}^2 - \text{phần diện tích mồ mã } (455\text{m}^2)/2 = 1.946\text{m}^2$ nên có nghĩa vụ giao trả cho các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Kim H1, Nguyễn Thị H2 (mỗi người 64.888.270 đồng); giao bù thêm cho các ông Nguyễn H S, Nguyễn Văn C Nguyễn Hữu Đ phần chưa nhận đủ (mỗi người 30.914.936,6 đồng).

+ Đối với phần đất có diện tích $2.038,4\text{m}^2$ (thửa 440 tờ bản đồ số 11) giao toàn bộ phần đất này cho các ông: Nguyễn H S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Đ mỗi người 01 phần bằng nhau. Mỗi người sẽ nhận là $2.038,4\text{m}^2/3 = 679,46\text{m}^2$ (tương ứng với số tiền $101.920.000\text{đồng}/3 = 33.973.333\text{đồng}$) và phần chênh lệch do ông M giao (mỗi người 30.914.936,6 đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn M, Nguyễn H S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ liên hệ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đất đai thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với chia di sản phần đất có diện tích 455m^2 (đất mồ mã, nằm trong thửa đất 346, tờ bản đồ số 10) và phần đất có diện tích 2.719m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HL 04499 do Sở TNMT Tây Ninh cấp ngày 29/10/2009 cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí;
 + Bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Kim H1, Nguyễn Thị H2; Ông Nguyễn H S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí về chia di sản thừa kế.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà H khởi kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản là QSDĐ tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đối với ông M có nơi cư trú tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: bà T, bà H2, ông S, ông C, ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Bà Nguyễn Thị A1 chết ngày 05/10/2014 thời điểm áp dụng Bộ luật dân sự 2005 làm pháp luật giải quyết về việc chia thừa kế. Tuy nhiên, xét thấy những quy định về thừa kế theo pháp luật Bộ luật dân sự 2005 có nội dung phù hợp với quy định tại Bộ luật dân sự 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 688 điều khoản chuyển tiếp, quyết định áp dụng Bộ luật dân sự 2015 làm căn cứ về pháp luật để giải quyết vụ án.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Trong vụ án này bà A1 chết ngày 05/10/2014 nên thời điểm mở thừa kế là ngày 05/10/2014 như vậy thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn.

[5] Về xác định hàng thừa kế: Bà A1 và ông M chung sống như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 (con chung lớn nhất sinh năm 1965) nhưng không đăng ký kết hôn, việc chung sống là tự nguyện đến khi bà A1 chết là năm 2014. Do đó căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, thừa nhận hôn nhân của bà A1 và ông M là hôn nhân

thực tế. Thời kỳ hôn nhân tính từ thời điểm chung sống đến ngày 05/10/2014. Bà A1 chết không có di chúc nên tài sản của bà A1 để lại được chia thừa kế theo pháp luật. Ông bà không có con riêng, con nuôi nào khác nên khi bà A1 chết căn cứ quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà A1 gồm: ông M, bà T, bà L, ông S, bà V, bà H1, bà H2, bà H, ông C, ông Đ.

[6] Về xác định tài sản chung của ông M và bà A1:

[6.1] Tại Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”. Xét thấy ông M và bà A1 đã được UBND huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH00338 ngày 15/7/2010 đối với diện tích 4347 m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 10 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu nên đây là tài sản chung của ông M và bà A1.

[6.2] Đối với phần đất có diện tích đất 2.038,4m² đất thuộc thửa 440 tờ bản đồ số 11, thửa đất tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, chưa được cấp giấy Chứng nhận QSDĐ tuy nhiên qua xác minh và công văn số 302/UBND ngày 06/3/2023 của UBND huyện Bến Cầu về việc phúc đáp công văn số 210/CV-TA ngày 12/7/2022 của TAND huyện Bến Cầu xác định thửa đất này thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận QSDĐ nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó có cơ sở xác định phần đất này cũng là tài sản chung của bà A1 và ông M.

[6.3] Đối với diện tích 2.719 m² thuộc giấy chứng nhận QSD đất số HL04499/QSDĐ/1864/2009/QĐ-UBND ngày 29/10/2009, thửa đất số 64 tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh do UBND huyện Bến Cầu cấp do ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1 đứng tên nhưng thực tế là đất của ông Ngô Công L1 sử dụng và được UBND huyện xác nhận là cấp nhầm cho ông M và bà A1 nên đây không phải là tài sản của ông M, bà A1. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét chia thừa kế đối với phần đất này.

[7] Về xác định di sản của bà A1: Điều 612 của Bộ luật Dân sự quy định “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”, đồng thời Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về sở hữu chung của vợ chồng thì vợ chồng có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do đó Hội đồng xét xử xác định di sản của bà A1 là 1/2 của tổng tài sản chung, 1/2 tài sản còn lại là của ông M. Đối với phần di sản là QSDĐ chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nhưng đã được UBND có văn bản xác nhận việc sử dụng đất là hợp pháp nên

căn cứ theo hướng dẫn tại điểm A, mục 1.1 và 1.2 phần II Nghị quyết số 02/2004/ NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 Tòa án tiến hành chia thừa kế đối với di sản này.

[8] Về hiện trạng và trị giá tài sản:

[8.1] QSDĐ thuộc giấy chứng nhận QSD đất số CH00338 ngày 15/7/2010, thửa đất số 346 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, do UBND huyện Bến Cầu cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1 đứng tên là đất trồng cây hàng năm, đất thuộc vị trí 1 xã loại 3.

Diện tích theo Giấy chứng nhận QSDĐ: 4.347 m².

Diện tích đo đạc thực tế: 4.347 m². Tứ cận:

+ Đông giáp: thửa 342, dài 35,5 và thửa 424 dài 13,2 m.

+ Tây giáp: thửa 343 dài 11,3 m; thửa 344 dài 10 m; thửa 345 dài 10 m; đường nhựa dài 6,09 m; 347 dài 55,21 m (50,21 m + 5 m)

+ Nam giáp: Tường rào lưới B40 dài 99,2 m.

+ Bắc giáp: thửa 342 dài 73,5 m.

Tài sản gắn liền trên đất: 01 Mả kiên cố ốp gạch.

Phần diện tích ông M, bà H xác định làm đất mồ mả có diện tích 455 m².

Có tứ cận:

+ Đông giáp: thửa 342 dài 35,5 m và thửa 424 dài 13,20 m

+ Tây giáp: 346 dài 46,36 m

+ Nam giáp: Tường rào lưới B40 dài 15,86 m

+ Bắc giáp: thửa 346 dài 8,04 m.

Trị giá tài sản chia thừa kế là: 1.195.845.400 đồng.

[8.2] Phần đất tại thửa đất số 440/2038,4 m², tờ bản đồ số 11 nhưng chưa được cấp Giấy CN.QSDĐ, hiện do ông M đang quản lý, sử dụng, đất nuôi trồng thủy sản, vị trí 3, xã loại 3. Tứ cận:

+ Đông giáp: thửa 63 dài 31,89 m.

+ Tây giáp: đường đất dài 33,87 m.

+ Nam giáp: thửa dài 31,09; thửa 65 dài 29,44 m.

+ Bắc giáp: thửa 64 dài 64,12 m.

Hiện trạng thửa đất số 440: Đất thấp hơn so với đường đất, chiều sâu của thửa đất không đều nhau từ 1,7 m đến 2 m. Trên đất có một số cây tạp, các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất.

Trị giá: 101.920.000 đồng.

[8.3] Tổng trị giá tài sản là 1.297.765.400 đồng. Trị giá di sản do bà A1 để lại là 648.882.700 đồng. Tài sản của ông M trong khối tài sản chung là 648.882.700 đồng.

[9] Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thì thấy rằng:

[9.1] Bà H yêu cầu chia cho ông M 1/2 thửa 346 tờ bản đồ số 10, chia 1/2 diện tích còn lại thành 06 phần bằng nhau cho bà T, bà L, bà H1, bà H2, bà V và bà H, chia thửa 440 tờ bản đồ số 11 thành 03 phần bằng nhau cho ông S, ông C và ông Đ hưởng, dù bị đơn là ông M đồng ý với yêu cầu của bà H nhưng thỏa thuận này không được những người thừa kế khác đồng ý, không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận mà tiến hành chia thừa kế theo pháp luật.

[9.2] Đối với diện tích 455m² đất có mồ mả của bà A1, nguyên đơn và bị đơn thống nhất để làm mồ mả, không yêu cầu chia, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với thực tế, nguyện vọng của đồng sở hữu chung là ông M nên chấp nhận. Nếu có tranh chấp các đồng thừa kế có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[9.3] Phần đất thuộc thửa 346, tờ bản đồ số 10 không có đường đi riêng mà chỉ giáp đường nhựa 6,09m ở hướng Tây thửa đất nên không thể phân chia cho các đồng thừa kế vì không đảm bảo diện tích tách thửa. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao toàn bộ phần còn lại của thửa đất này cho ông M hưởng, ông M thanh toán lại phần chênh lệch trị giá bằng tiền cho các đồng thừa kế. Đối với phần đất thủy sản tại thửa 440 tờ bản đồ số 11 chia cho ông S, ông C và ông Đ hưởng.

[10] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét chia di sản như sau: Chia giá trị theo pháp luật cho 10 kỹ phần bằng nhau, 01 kỹ phần thừa kế theo pháp luật là 64.888.270 đồng.

[10.1] Chia giá trị:

- Ông M được hưởng 1/2 tài sản trong khối tài sản chung, 01 kỹ phần thừa kế: 648.882.700 đồng+64.888.270 đồng= 713.770.970 đồng.

- Bà T, bà L, bà V, bà H1, bà H2, bà H, ông S, ông C, ông Đ được hưởng mỗi người 01 kỹ phần tương đương: 64.888.270 đồng.

[10.2] Chia hiện vật:

[10.2.1] Ông M được hưởng diện tích 3.892,0m² đất thuộc thửa 346 tờ bản đồ số 10 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

Đông giáp: phần đất mô mã thuộc thửa 346 dài 46,36m.

Tây giáp: thửa 343 dài 11,3 m; thửa 344 dài 10 m; thửa 345 dài 10 m; đường nhựa dài 6,09 m; 347 dài 55,21 m (50,21 m + 5 m)

Nam giáp: Tường rào lưới B40 dài 99,2 m.

Bắc giáp: thửa 342 dài 73,5 m.

Trị giá: 1.195.845.400 đồng.

[10.2.2] Ông S được thừa kế diện tích 679m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 440, tờ bản đồ số 11 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận;

Đông giáp: phần đất của ông C được hưởng thuộc thửa 440 dài 61,75m.

Tây giáp: thửa 66 dài 31,09m và thửa 65 dài 29,44m.

Nam giáp: thửa 63 dài 10,91m.

Bắc giáp: đường đất dài 11,57m.

Trị giá: 33.950.000 đồng.

[10.2.3] Ông C được thừa kế diện tích 679,59m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 440, tờ bản đồ số 11 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận;

Đông giáp: phần đất của ông Đ được hưởng thuộc thửa 440 dài 62,94m.

Tây giáp: phần đất của ông S được hưởng thuộc thửa 440 dài 61,75m.

Nam giáp: thửa 63 dài 10,59m.

Bắc giáp: đường đất dài 11,25m.

Trị giá: 33.979.500 đồng.

[10.2.4] Ông Đ được thừa kế diện tích 679,82m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 440, tờ bản đồ số 11 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận;

Đông giáp: thửa 64 dài 64,12m.

Tây giáp: phần đất của ông C được hưởng thuộc thửa 440 dài 62,94m.

Nam giáp: thửa 63 dài 10,39m.

Bắc giáp: đường đất dài 11,05m.

Trị giá: 33.991.000 đồng.

[10.2.5] Ông M có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho những người thừa kế còn lại, cụ thể:

- Thanh toán cho bà T, bà L, bà V, bà H1, bà H2, bà H mỗi người số tiền: 64.888.270 đồng.

- Thanh toán cho ông S số tiền: 64.888.270 đồng - 33.950.000 đồng = 30.938.270 đồng.

- Thanh toán cho ông C số tiền: 64.888.270 đồng - 33.979.500 đồng = 30.908.770 đồng.

- Thanh toán cho ông Đ số tiền: 64.888.270 đồng - 33.991.000 đồng = 30.897.270 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[10.2.6] Tạm giao cho ông Nguyễn Văn M quản lý phần đất có mộ của bà Nguyễn Thị A1 có diện tích 455 m² thuộc một phần thửa 346, tờ bản đồ số 10 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00338 ngày 15/7/2010 đứng tên ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1. Có tứ cận:

+ Đông giáp: thửa 342 dài 35,5 m và thửa 424 dài 13,20 m

+ Tây giáp: 346 dài 46,36 m

+ Nam giáp: Tường rào lưới B40 dài 15,86 m

+ Bắc giáp: thửa 346 dài 8,04 m.

Ông M, ông S, ông C, ông Đ có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nội dung phần quyết định đã tuyên, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: 8.000.000 (tám triệu) đồng bà H đã nộp tạm ứng. Tại phiên tòa ông Lục trình bày bà H tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận bà H đã nộp cho Tòa án dùng vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá xong.

[12] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13] Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bà T, bà L, bà V, bà H1, bà H2, bà H, ông S, ông C, ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 64.888.270 đồng, mỗi người chịu 3.244.400 đồng.

Ông M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0014267 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, bà H còn phải nộp số tiền án phí là 744.400 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15 Luật HNGĐ 1959; các Điều 227, 228, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 166, 167, 169 của Luật Đất đai năm 2013; Điểm A, mục 1.1 và 1.2 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn M về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng diện tích 3.892,0m² đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa 346 tờ bản đồ số 10 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã được UBND huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00338 ngày 15/7/2010 đứng tên ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1, có tứ cận:

Đông giáp: phần đất mồ mả thuộc thửa 346 dài 46,36m.

Tây giáp: thửa 343 dài 11,3 m; thửa 344 dài 10 m; thửa 345 dài 10 m; đường nhựa dài 6,09 m; 347 dài 55,21 m (50,21 m + 5 m)

Nam giáp: Tường rào lưới B40 dài 99,2 m.

Bắc giáp: thửa 342 dài 73,5 m.

(có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo)

- Ông M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Kim H1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H mỗi người số tiền: 64.888.270 (sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

- Ông M có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn H S số tiền: 30.938.270 (ba mươi triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

- Ông M có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn C số tiền: 30.908.770 (ba mươi triệu chín trăm lẻ tám nghìn bảy trăm bảy mươi) đồng.

- Ông M có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Đ số tiền: 30.897.270 (ba mươi triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Ông Nguyễn H S được thừa kế diện tích 679m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 440, tờ bản đồ số 11 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận;

Đông giáp: phần đất của ông C được hưởng thuộc thửa 440 dài 61,75m.

Tây giáp: thửa 66 dài 31,09m và thửa 65 dài 29,44m.

Nam giáp: thửa 63 dài 10,91m.

Bắc giáp: đường đất dài 11,57m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

4. Ông Nguyễn Văn C được thừa kế diện tích 679,59m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 440, tờ bản đồ số 11 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận;

Đông giáp: phần đất của ông D được hưởng thuộc thửa 440 dài 62,94m.

Tây giáp: phần đất của ông S được hưởng thuộc thửa 440 dài 61,75m.

Nam giáp: thửa 63 dài 10,59m.

Bắc giáp: đường đất dài 11,25m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

5. Ông Nguyễn Hữu Đ được thừa kế diện tích 679,82m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 440, tờ bản đồ số 11 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận;

Đông giáp: thửa 64 dài 64,12m.

Tây giáp: phần đất của ông C được hưởng thuộc thửa 440 dài 62,94m.

Nam giáp: thửa 63 dài 10,39m.

Bắc giáp: đường đất dài 11,05m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

6. Giao cho ông Nguyễn Văn M tạm quản lý phần đất có mộ của bà Nguyễn Thị A1 có diện tích 455 m² thuộc một phần thửa 346, tờ bản đồ số 10 tại ấp B, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00338 ngày 15/7/2010 đứng tên ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A1. Có tứ cận:

+ Đông giáp: thửa 342 dài 35,5 m và thửa 424 dài 13,20 m

+ Tây giáp: 346 dài 46,36 m

+ Nam giáp: Tường rào lưới B40 dài 15,86 m

+ Bắc giáp: thửa 346 dài 8,04 m.

(có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo)

7. Ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn H S, ông Nguyễn Văn C C, ông Nguyễn Hữu Đ có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nội dung phần quyết định đã tuyên, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: 8.000.000 (tám triệu) đồng bà H tự nguyện chịu. Ghi nhận bà H đã nộp cho Tòa án dùng vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá xong.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T, bà L, bà V, bà H1, bà H2, bà H, ông S, ông C, ông Đ mỗi người phải chịu 3.244.400 (ba triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng. Bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0014267 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, bà H còn phải nộp số tiền án phí là 744.400 đồng.

Ông M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

10. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông M, bà L, bà V, bà H1 có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S, bà T, bà H2, ông C, ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi các đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Chu Y